

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TY
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/DS-ST

Ngày 12/6/2020

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông Q với ông X”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TY – TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tư Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Sửu;

2. Ông Đào Xuân Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TY tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TY, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 136/2019/TLST- DS ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2020/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa số 59/2020/QĐST-DS ngày 04/6/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Nguyễn Tiến Q, sinh năm 1976 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn HL, xã PH, huyện TY, tỉnh Bắc Giang;

*** Bị đơn:** ông Thân Văn X, sinh năm 1961 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn C, thị trấn CT, huyện TY, tỉnh Bắc Giang.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970. (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn C, thị trấn CT, huyện TY, tỉnh Bắc Giang.

*** Người làm chứng:**

- Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1990 (có mặt)

- Chị Thân Thị L, sinh năm 1992 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn LT, xã PH, huyện TY, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 11 năm 2019, bản tự khai và lời khai tiếp theo, nguyên đơn là ông Nguyễn Tiến Q trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 13/12/2018, ông X có vay của ông

số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), khi vay có lập giấy biên nhận, ông X có ký tên ở phần người vay và có thỏa thuận thời hạn trả là ngày 15/12/2018, lãi suất thỏa thuận theo Ngân hàng. Khi vay tiền thì ông X có nói mục đích vay tiền để đáo hạn Ngân hàng. Sau khi vay tiền thì ông X không trả tiền như cam kết nên ông đã đòi ông X nhiều lần nhưng ông X không trả.

Nay ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông X, bà H có trách nhiệm trả ông số tiền gốc là 100.000.000 đồng, lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay ông Q có mặt và trình bày: Nay ông chỉ đề nghị cá nhân ông X phải có trách nhiệm trả ông số tiền 100.000.000 đồng và lãi suất phát sinh.

* Tại bản tự khai ngày 07/01/2020 và những lời khai tiếp theo bị đơn ông Thân Văn X trình bày:

Ông không quen biết gì với vợ chồng ông Q. Năm 2018 thì con rể ông là anh Nguyễn Văn K có nói chuyện với ông và nhờ ông đứng ra bảo lãnh ký giấy vay tiền với ông Q với số tiền là 100.000.000 đồng, mục đích là để anh K đáo sổ Ngân hàng. Ngày 13/8/2018, anh K có bảo ông ra công Ngân hàng Nông nghiệp huyện Tân Yên ký giấy vay tiền để ông Q cho anh K vay tiền, do tin tưởng con rể nên ông đã đồng ý ký tên.

Sau khi anh K vay tiền để đáo hạn Ngân hàng vài ngày thì ông có hỏi anh K là đã trả tiền cho ông Q chưa thì anh K có nói là đã trả đủ tiền cho ông Q.

Ông khẳng định không nhận bất kỳ khoản tiền nào của ông Q, nên ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Q, ông không nhất trí trả số tiền 100.000.000 đồng cho ông Q.

Tại phiên tòa ông X có mặt và trình bày: Việc ông ký vào giấy biên nhận vay tiền ngày 13/12/2018, chỉ là để chứng kiến cho vợ chồng con gái là anh K, chị L vay tiền của ông Q, ông không được nhận số tiền trên mà người trực tiếp nhận là chị L con gái ông. Nay ông không đồng ý trả số tiền trên.

Đối với bà Nguyễn Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng tại các buổi hòa giải, làm việc của Tòa án bà H đều vắng mặt không có lý do và Tòa án đã thông báo cho bà H về các chứng cứ Tòa án đã thu thập có trong vụ án nhưng bà H không có ý kiến gì và không cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho quyền lợi của mình.

Tại phiên tòa bà H vắng mặt.

* Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 02/3/2020, anh Nguyễn Văn K trình bày:

Ngày 13/12/2018, anh không chứng kiến việc ông X ký vay tiền của ông Q, anh chỉ nghe vợ anh nói lại là ông X vay tiền của ông Q để đáo sổ Ngân hàng.

Tại phiên tòa anh K có mặt và giữ nguyên trình bày trên.

* Tại phiên tòa người làm chứng chị Thân Thị L là con gái của ông X trình bày: Ngày 13/12/2018, chị có viết giấy biên nhận vay tiền của ông Q với số tiền là 100.000.000 đồng. Sau khi viết xong thì ông X có ký tên trong giấy biên nhận vay tiền đó, nhưng chị là người trực tiếp nhận tiền của ông Q. Sau khi nhận tiền của ông Q thì chị đã vào Ngân hàng để đáo hạn cho hợp đồng tín dụng giữa ông X với Ngân hàng. Sau đó chị không nhớ ngày nhưng chị đã trả cả gốc và lãi số tiền trên cho ông Q, khi trả tiền ông Q không viết giấy biên nhận cho chị và cũng không trả chị giấy vay tiền. Nay chị xác định số tiền ghi trong giấy vay trên chị đã trả rồi, nên ông Q khởi kiện là không có căn cứ.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng, tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q, buộc ông X có trách nhiệm trả ông Q số tiền gốc là 100.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật.

Về án phí ông X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do chính đáng Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án. Về người tham gia tố tụng, mặc dù khi lập hợp đồng vay tài sản giữa ông Q với ông X thì ông Q có vợ là bà Vũ Thị L, sinh năm 1977. Nhưng ông Q xác định đây là tiền riêng của ông không liên quan đến bà L. Đồng thời, bà L cũng xác định đây là tiền riêng của ông Q, không liên quan đến bà và bà từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án. Do đó, Tòa án không đưa bà Vũ Thị Lan vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về số tiền nợ gốc và nghĩa vụ trả nợ:

Xét yêu cầu của ông Nguyễn Tiến Q đòi ông Thân Văn X số tiền là 100.000.000 đồng gốc, Hội đồng xét xử nhận thấy: Kèm theo đơn khởi kiện thì ông Q có giao nộp 01 giấy biên nhận vay tiền đề ngày 13/12/2018 do ông X ký tên. Ông X xác định có ký tên vào giấy vay tiền trên, nhưng ông ký tên trong giấy vay tiền trên chỉ để làm chứng và bảo lãnh cho vợ chồng anh K, chị L vay tiền của ông Q chứ ông không được nhận số tiền trên. Trong quá trình giải quyết vụ án anh K không thừa nhận có chứng kiến việc ông X ký tên trong giấy vay tiền đề ngày 13/12/2018. Mặt khác, tại phiên tòa hôm nay chị L là con của ông X có trình bày về việc giấy biên nhận vay tiền đề ngày 13/12/2018 mà ông Q giao nộp là do chị viết, sau khi viết

xong thì ông X có ký tên người vay, nhưng ông X không trực tiếp nhận tiền mà chị là người trực tiếp nhận tiền. Sau khi nhận tiền thì chị đã vào Ngân hàng để trả khoản vay của ông X tại Ngân hàng.

Từ các ý kiến trên Hội đồng xét xử thấy: Trong giấy vay tiền mà ông Q nộp cho Tòa án thì phần ký tên người vay là ông X, không có mục nào thể hiện ông X là người làm chứng và sau khi chị L viết hết nội dung thì ông X mới ký tên. Như vậy, việc ông X ký tên vào giấy vay tiền thì ông X đã biết trong giấy có ghi số tiền vay là 100.000.000 đồng. Mặt khác, ông X không thừa nhận được nhận tiền mà chị L là người nhận tiền, nhưng chị L nhận tiền là để trả vào khoản nợ của ông X tại Ngân hàng. Như vậy, khẳng định việc ông X vay tiền của ông Q là có thật. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Q có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên nhân dẫn đến việc tồn đọng số nợ trên là do ông X không có ý thức thanh toán trả cho ông Q số tiền trên mặc dù ông Q đã nhiều lần yêu cầu ông X thanh toán nhưng ông X vẫn không thanh toán nên buộc ông Q phải khởi kiện ra Tòa án để giải quyết. Yêu cầu trên của ông Q là phù hợp. Do đó cần chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông X phải thanh toán trả cho ông Q số tiền là 100.000.000 đồng gốc.

Về trách nhiệm trả nợ: Tại phiên tòa hôm nay ông Q chỉ yêu cầu cá nhân ông X phải có trách nhiệm trả nợ, do đó nghĩa vụ trả nợ thuộc về cá nhân ông X.

Về lãi suất: Trong giấy biên nhận không thể hiện thỏa thuận về lãi suất, nay ông Q yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật, nên cần áp dụng khoản 4 Điều 466; Điều 470, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, để xác định lãi suất cụ thể:

Từ ngày 16/12/2018 đến ngày 12/6/2020, lãi suất của số tiền 100.000.000 đồng, được tính cụ thể:

- $100.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 01 \text{ năm } 05 \text{ tháng } 26 \text{ ngày} = 14.829.000 \text{ đồng};$

[4]. Về lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: ông Q yêu cầu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật do đó cần áp dụng Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để giải quyết.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Q được chấp nhận nên ông X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, do đó áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Số tiền án phí được tính cụ thể như sau: $114.829.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.741.000 \text{ đồng}.$

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 5 Điều 147; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 470, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến Q.

1. Buộc ông Thân Văn X phải trả cho ông Nguyễn Tiến Q số tiền 100.000.000 đồng gốc và 14.829.000 đồng lãi tổng số là 114.829.000 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không trả được hoặc trả không đầy đủ số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi trả xong.

2. Về án phí: Ông Thân Văn X phải chịu phải chịu 5.741.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Nguyễn Tiến Q số tiền 2.500.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2018/0006078, ngày 03/12/2019, tại Chi cục Thi hành án huyện TY.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện TY;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Tư Duy